

Bản án số: 28/2025/HS-ST
Ngày: 18-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quang Chung

Bà Vương Thị Minh Tân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định - tỉnh Nam Định, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Đức T, sinh năm 2005 tại tỉnh Nam Định; số căn cước công dân: 036205017748; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 11-11-2024; ngày 21-01-2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 tại tỉnh Nam Định; số căn cước công dân: 036181000967; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Lương Thị L1; chồng: Vũ Văn C; có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Những người đại diện theo pháp luật của bị hại (bị hại là ông Trần Doãn K, sinh năm 1935; nơi cư trú trước khi chết: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định):

1. Bà Đào Thị T2, sinh năm 1935 (vợ ông Trần Doãn K); nơi cư trú: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Trần Tiến T3, sinh năm 1960 (con ông Trần Doãn K); nơi cư trú: Số nhà E phố L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; có mặt tại phiên tòa.

3. Anh Trần Quốc Đ, sinh năm 1961 (con ông Trần Doãn K); nơi cư trú: Số nhà F đường P, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; có mặt tại phiên tòa.

4. Anh Trần Quang L2, sinh năm 1964 (con ông Trần Doãn K); nơi cư trú: Số nhà B đường T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt tại phiên tòa.

5. Chị Trần Thị Kim T4, sinh năm 1966 (con ông Trần Doãn K); nơi cư trú: Số nhà A đường T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt tại phiên tòa.

6. Chị Trần Thị Bích N, sinh năm 1969 (con ông Trần Doãn K); nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 26-9-2024, do không có phương tiện đi lại nên Vũ Đức T (chưa có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật) đã mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh đen bạc, biển kiểm soát (BKS) 18E1 – 377.95 của mẹ là Nguyễn Thị L để đi học ngoại ngữ. Luyến biết T chưa có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vẫn giao xe cho T.

Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 26-9-2024, T điều khiển xe mô tô BKS 18E1 – 377.95 đi trên đường Đ, phường N, thành phố N theo hướng từ đường T đến cầu Đ trong điều kiện đường Đ là đường hai chiều, mặt đường được trải nhựa bằng phẳng, ở giữa có vạch sơn màu vàng kẻ đứt đoạn để phân chia thành hai chiều đường riêng biệt; trời sáng, không mưa, mặt đường khô ráo, tầm nhìn không bị hạn chế, mật độ người và phương tiện tham gia giao thông bình thường. T điều khiển xe máy đi tại chiều đường bên phải theo hướng đi, cách mép đường bên phải khoảng 05m với tốc độ khoảng 50 km/h. Khi đến khu vực giao nhau giữa đường Đ và đường Đ, thành phố N, T giữ nguyên tốc độ điều khiển xe đi vào khu vực giao nhau. Đến cách số nhà A đường Đ khoảng 10m, T quan sát thấy ông Trần Doãn K1, sinh năm 1935, trú tại xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định điều khiển xe đạp điện màu đen nhãn hiệu ASAMA đi phía trước cùng chiều, cách mép đường bên phải khoảng 04m với tốc độ khoảng 15 km/h, cách xe mô tô do T điều khiển khoảng 10m. T nghe thấy tiếng động nên quay mặt sang phải để quan sát, khi T quay mặt lại thì thấy ông K1 đang điều khiển xe đạp điện chuyển hướng rẽ trái, chệch chéo sang ngang đường Đ, cách mép đường bên phải khoảng 05m, đầu xe hướng về phía bên trái đường Đ, cách xe mô tô do T điều khiển khoảng 05m. T đánh lái sang trái để tránh nhưng do khoảng cách quá gần nên phần bên phải bánh xe phía trước xe mô tô đã xô vào bàn đạp, giá đỡ chân người lái bên trái xe đạp điện do ông K1 điều khiển. Sau va chạm, T cùng xe mô tô bị đổ ngã phải, trượt rê trên mặt đường khoảng 03m; ông K1 bị ngã đập đầu xuống đường, xe đạp điện bị đổ ngã trái, trượt rê trên mặt đường khoảng 07m. T cùng người dân đưa ông K1 đi bệnh viện cấp cứu. Hậu quả: Ông K1 bị chấn thương sọ não đến ngày 18-10-2024 tử vong.

Khám nghiệm hiện trường: 01 vết cày dài 7,30 m ở trên mặt đường, có chiều từ phía cầu V về phía cầu Đ, điểm đầu vết cách mép đường chuẩn (là mép đường bên phải trên đường Đ theo chiều đi từ phía cầu V về phía cầu Đ) 4,30m, điểm

cuối vết cày trùng với đầu mỏm chân chống bên trái xe đạp điện; xe đạp điện màu đen nhãn hiệu ASAMA đổ ngã trái trên mặt đường, đầu xe hướng về mép đường bên trái, đuôi xe hướng về mép đường bên phải; 01 vết máu kích thước 0,3m x 0,25 m ở sát trục bánh sau xe đạp điện; 01 vết cày dài 3,5m có chiều từ phía cầu V về phía cầu Đ, điểm đầu vết cách mép đường chuẩn 6,75m, điểm cuối vết cày trùng đầu mỏm để chân người lái bên phải xe mô tô BKS 18E1 – 377.95; xe mô tô BKS 18E1 – 377.95 đổ ngã phải trên mặt đường, đầu xe hướng về phía cầu V, đuôi xe hướng về phía cầu Đ.

Khám xe mô tô BKS 18E1- 377.95: tại mặt ngoài má lốp bên phải bánh trước xe mô tô có vết trượt làm chùi sạch bụi đất, có chiều từ ngoài vào tâm trục bánh xe, vết có chiều dài 29cm đo theo chu vi bánh xe, rộng 2,5cm đo theo đường kính bánh xe, điểm gần nhất cách chân van là 33cm đo theo ngược chiều tiến bánh xe; tại mặt ngoài nan hoa, may ơ bên phải bánh xe phía trước có vết trượt làm cong nan hoa, trầy xước nan hoa và mặt may ơ để lộ ánh kim sáng, trên mặt vết còn dính chất màu đen, vết có chiều từ trước về sau theo chiều thuận của xe, dài 14cm đo theo chiều dài thân xe, rộng 09cm đo theo chiều cao xe, điểm gần nhất cách tâm may ơ là 07cm đo theo đường kính may ơ; tại mặt ngoài càng bên phải phía trước xe có vết trượt làm xước lớp sơn phủ ngoài để lộ ánh kim sáng, trên mặt vết dính chất màu đen, vết có chiều từ trước về sau theo chiều thuận của xe, dài 14,5cm đo theo chiều cao xe, rộng 3,5cm đo theo chiều ngang xe, điểm gần nhất cách cạnh dưới càng bên phải bánh trước xe là 02cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 23,5cm, điểm cao nhất cách mặt đất 38cm.

Khám xe đạp điện: Tại mặt ngoài bàn đạp bên trái xe có vết trượt làm vỡ ốp nhựa bàn đạp, vết có chiều từ sau về trước, từ trái qua phải theo chiều thuận của xe, làm đẩy ngược thanh kim loại bắt giữ bàn đạp ngược vào thân xe, vết có chiều dài 06cm đo theo chiều dài xe, rộng 2,5cm đo theo chiều cao xe, điểm gần nhất trùng với cánh dưới phía sau bàn đạp bên trái xe; tại mặt ngoài thành bên trái sàn để chân người lái có vết trượt làm vỡ ốp nhựa bọc sàn để chân, vết có chiều từ sau về trước, từ trái qua phải theo chiều thuận của xe, dài 10cm đo theo chiều dài xe, rộng 2,5cm đo theo chiều cao xe, điểm gần nhất cách cạnh phía trước sàn để chân người lái 01cm, điểm thấp nhất cách mặt đất 29cm, điểm cao nhất cách mặt đất 31,5cm.

Kết luận giám định tử thi số 1767/KLGĐTT-KTHS ngày 25-10-2024 của Phòng K2 Công an tỉnh N kết luận: Nạn nhân Trần Doãn K1 chết do chấn thương sọ não, chảy máu nội sọ điều trị không hồi phục. Cơ chế: Do va đập và trà sát.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trưng cầu giám định dữ liệu điện tử đối với 02 đoạn Video Clip thu giữ được ghi nhận lại một phần diễn biến vụ việc. Kết luận giám định số 1788/KL-KTHS ngày 05-12-2024 của Phòng K2 Công an tỉnh N kết luận:

Không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong toàn bộ mẫu cần giám định (Ký hiệu: A1, A2).

Tốc độ của xe mô tô BKS 18E1 – 377.95 tại thời điểm 08h47'37'' trong mẫu cần giám định (Ký hiệu: A1) là 48,85 km/h.

Tốc độ của xe mô tô BKS 18E1 – 377.95 tại thời điểm 08h47'38'' trong mẫu cần giám định (Ký hiệu: A2) là 54,72 km/h.

Tốc độ của xe đạp điện tại thời điểm 08h47'12'' trong mẫu cần giám định (Ký hiệu: A1) là 13,97 km/h.

Tốc độ của xe đạp điện tại thời điểm 08h47'15'' trong mẫu cần giám định (Ký hiệu: A2) là 13,72 km/h.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác định thời điểm xảy ra vụ việc trong mẫu máu của Vũ Đức T không có nồng độ cồn, âm tính với các chất ma túy.

Tại cơ quan điều tra, Vũ Đức T và Nguyễn Thị L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Về vấn đề dân sự: Vũ Đức T và Nguyễn Thị L đã bồi thường cho gia đình ông Trần Doãn K1 40.000.000 đồng. Đại diện gia đình ông K1 đã nhận đủ số tiền trên và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T và L.

Về vật chứng của vụ án: Qua xác minh, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô Honda Wave BKS 18E1 – 377.95 cho Nguyễn Thị L; trả lại chiếc xe đạp điện cho đại diện gia đình ông Trần Doãn K1 là ông Trần Ngọc L3, sinh năm 1964, trú tại B T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định (con trai ông K1).

Bản cáo trạng số 25/CT-VKSND-TPND ngày 10-01-2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố Vũ Đức Thắng tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Thị L tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Đức T và Nguyễn Thị L đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải đối với hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử các bị cáo mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

Tại phiên tòa, những người đại diện theo pháp luật của bị hại không có ý kiến gì đối với lời khai của các bị cáo. Về phần hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Vũ Đức T và Nguyễn Thị L về tội danh, điều luật như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Đức T phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội: “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

- Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Đức T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm. Giao bị cáo Vũ Đức T cho Ủy ban nhân

dân xã P, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 18 tháng cải tạo không giam giữ đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 26-9-2024, tại khu vực ngã ba giao nhau giữa đường Đ và đường Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định, Vũ Đức T điều khiển xe mô tô BKS 18E1 – 377.95, loại xe Wave, nhãn hiệu Honda, dung tích 110 đi trên đường Đ theo hướng từ trục N đến cầu Đ do không chú ý quan sát, không giữ khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình, không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi vào khu vực đường bộ giao nhau, vi phạm khoản 9, khoản 23 Điều 8, khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 (nay là khoản 1, khoản 28 Điều 9; khoản 1, khoản 3 Điều 12 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024) nên đã để phần bánh xe phía trước bên phải xe mô tô BKS 18E1 – 377.95 xô vào bàn đạp, giá đỡ chân người lái bên trái xe đạp điện do ông Trần Doãn K1 điều khiển đang chuyển hướng rẽ trái làm ông K1 bị chấn thương sọ não tử vong sau đó.

Lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Đức T tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ như: Sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện giao thông, bản kết luận giám định tử thi, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo Vũ Đức T có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Mặc dù không có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật nhưng bị cáo vẫn điều khiển xe mô tô tham gia giao thông và gây tai nạn, hậu quả làm ông Trần Doãn K1 tử vong. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Vũ Đức T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị L tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ như: Lời khai của bị cáo Vũ Đức T, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của người làm chứng.

Bị cáo Nguyễn Thị L có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Mặc dù biết rõ con trai mình là Vũ Đức T không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vẫn giao chiếc xe mô tô BKS 18E1 – 377.95, loại xe Wave, nhãn hiệu Honda, dung tích 110 của mình cho T điều khiển tham gia giao thông. Hậu quả Vũ Đức T gây tai nạn làm ông Trần Doãn K1 tử vong. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự

[4]. *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

4.1. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo Vũ Đức T và Nguyễn Thị L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4.2. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Đức T và Nguyễn Thị L có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; sau khi ông Trần Doãn K1 tử vong, bị cáo Vũ Đức T và Nguyễn Thị L đã bồi thường dân sự cho gia đình bị hại; đại diện theo pháp luật của bị hại có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Vì vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. *Về hình phạt:*

5.1. *Về hình phạt chính:*

5.1.1. Đối với bị cáo Vũ Đức T:

Hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Đức T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an toàn, sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, xâm phạm tính mạng của người khác. An toàn giao thông hiện nay là một trong những vấn đề được toàn xã hội quan tâm. Mặc dù pháp luật đã đưa ra rất nhiều quy định cấm, các quy định bắt buộc phải chấp hành cùng các chế tài xử phạt nhưng bị cáo không tuân thủ dẫn đến hậu quả gây ra tổn thất về vật chất, tinh thần cho người khác. Cần áp dụng mức hình phạt trong khung đã truy tố với đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Xét bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo, vì vậy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương với mức án thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ để bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

5.1.2. Đối với bị cáo Nguyễn Thị L:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị L xâm phạm các quy định của pháp luật về an toàn giao thông đường bộ, những quy định nhằm đảm bảo an toàn tính

mạng, sức khỏe của con người, làm ảnh hưởng đến sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo, vì vậy cho bị cáo được cải tạo tại địa phương và không cần ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

5.2. Về hình phạt bổ sung:

Xét không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Đức T.

Bị cáo Nguyễn Thị L không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị L

Xét bị cáo Nguyễn Thị L không có nghề nghiệp ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[7] Về bồi thường dân sự:

Vấn đề dân sự giữa các bị cáo với gia đình bị hại đã được giải quyết xong vì vậy không đặt ra để xem xét.

[8] Về án phí:

Bị cáo Vũ Đức T và bị cáo Nguyễn Thị L bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Đức T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Vũ Đức T 03 (ba) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo (bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 11-11-2024 đến ngày 21-01-2025), thời gian thử thách 05 (năm) năm. Thời gian thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Giao bị cáo Vũ Đức T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Trường hợp bị cáo Vũ Đức T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Vũ Đức T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi cư trú của bị cáo nhận được quyết định thi hành án.

- Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị L trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Vũ Đức T và bị cáo Nguyễn Thị L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo Vũ Đức T, bị cáo Nguyễn Thị L, những người đại diện theo pháp luật của bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người đại diện theo pháp luật của bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự: Các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người đại diện theo pháp luật của bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- Công an huyện T;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh